



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 38

37
4G
PH
H
OI
37

Đ. D. M. C. N. Q.
HAI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (sau đây gọi tắt là Công ty) trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104518043, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 02 tháng 08 năm 2024.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, sản xuất sản phẩm từ plastics, thương mại nguyên liệu bột nhựa PVC và các phụ gia hóa chất ngành nhựa.

Tên tiếng anh: PICOMAT PLASTIC JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: PICOMAT

Mã chứng khoán: PCH (Niêm yết/HNX)

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổ kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổ kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT
Bà	Đào Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT
Ông	Đỗ Hải Đăng	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà	Đỗ Thị Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm kể từ ngày 15/4/2025
Bà	Nguyễn Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 15/4/2025
Bà	Đàm Ngọc Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 15/4/2025
Bà	Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban	Miễn nhiệm kể từ ngày 15/4/2025
Bà	Đỗ Thị Thùy Linh	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 15/4/2025

Tổ kiểm toán nội bộ

Ông	Nguyễn Trung Dũng	Tổ trưởng
Bà	Nguyễn Thị Bảo Yên	Thành viên

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổ kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Đào Thị Kim Oanh Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đào Thị Kim Oanh Tổng Giám đốc

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC (“MOORE AISC”) đã được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Trong quá trình soạn thảo các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Đào Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Kính gửi**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Picomat được lập ngày 12 tháng 08 năm 2025, từ trang 04 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Picomat chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Picomat tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHNKT: 4981-2024-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.806.574.087	25.154.112.246
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.384.080.790	15.540.246.243
1. Tiền	111		2.483.122.857	15.540.246.243
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.900.957.933	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	14.425.771.543	6.963.627.338
1. Chứng khoán kinh doanh	121		14.556.558.698	6.974.688.533
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	122		(130.787.155)	(11.061.195)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.772.906.369	263.038.942
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.575.259.722	168.394.410
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	126.108.413	73.678.916
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	71.538.234	20.965.616
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	4.121.101.129	2.311.020.338
1. Hàng tồn kho	141		4.121.101.129	2.311.020.338
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		102.714.256	76.179.385
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	33.874.551	76.170.789
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68.839.705	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	8.596
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		248.083.864.693	250.630.907.663
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.080.700.000	14.080.700.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	12.000.000.000	14.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	80.700.000	80.700.000
II. Tài sản cố định	220		56.373.035.999	56.738.657.483
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	6.648.231.373	7.013.852.857
- Nguyên giá	222		10.561.977.839	10.561.977.839
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.913.746.466)	(3.548.124.982)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	49.724.804.626	49.724.804.626
- Nguyên giá	228		49.724.804.626	49.724.804.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	171.800.000.000	171.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		98.800.000.000	98.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		73.000.000.000	73.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.830.128.694	8.011.550.180
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	7.830.128.694	8.011.550.180
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		279.890.438.780	275.785.019.909

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.991.943.325	19.231.555.553
I. Nợ ngắn hạn	310		8.791.943.325	19.031.555.553
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.649.148.967	12.983.149.151
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	146.623.155	3.203.716.273
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	955.166.457	2.179.051.132
4. Phải trả người lao động	314		167.870.916	454.089.820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.645.376	7.549.177
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	148.800	204.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	1.867.339.654	
II. Nợ dài hạn	330		200.000.000	200.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	200.000.000	200.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		270.898.495.455	256.553.464.356
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	270.898.495.455	256.553.464.356
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		241.999.640.000	241.999.640.000
Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết	411a		241.999.640.000	241.999.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.204.327.061	2.204.327.061
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.694.528.394	12.349.497.295
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.349.497.295	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.345.031.099	12.349.497.295
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		279.890.438.780	275.785.019.909



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	55.863.808.657	80.764.289.791
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	241.441.925	94.615.396
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	55.622.366.732	80.669.674.395
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	49.805.464.398	71.420.350.550
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.816.902.334	9.249.323.845
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	13.480.777.294	8.683.605.432
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	1.002.087.087	680.943.472
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		110.106.043	222.729.361
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	2.006.176.674	2.228.929.389
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	1.209.411.954	1.758.267.456
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.080.003.913	13.264.788.960
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.052.901	30.054
12. Chi phí khác	32	VI.9	46.940	3.510.112
13. Lợi nhuận khác	40		3.005.961	(3.510.358)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.083.009.874	13.261.278.602
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	737.978.775	986.043.078
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>14.345.031.099</u>	<u>12.275.235.524</u>



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.083.009.874	13.261.278.602
2. Điều chỉnh cho các khoản			(11.210.217.746)	(7.689.876.784)
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		365.621.484	343.986.005
- Các khoản dự phòng	03		119.725.960	103.407.850
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.805.671.233)	(8.360.000.000)
- Chi phí lãi vay	06		110.106.043	222.729.361
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.872.792.128	5.571.401.818
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.584.575.248)	(2.687.405.176)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.810.080.791)	(10.309.671.735)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.614.124.916)	(3.623.053.806)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		223.717.724	110.254.036
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(7.581.870.165)	(10.028.589.630)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(114.783.134)	(230.544.539)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.226.128.650)	(293.387.559)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.835.053.052)	(21.490.996.591)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(193.798.440)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.811.547.945	8.360.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.811.547.945	8.166.201.560

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		23.227.130.082	40.531.702.031
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.359.790.428)	(39.988.139.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.867.339.654	543.562.127
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.156.165.453)	(12.781.232.904)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.540.246.243	23.088.809.228
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10.384.080.790	10.307.576.324

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104518043, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 02 tháng 08 năm 2024.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: PICOMAT PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: PICOMAT
Mã chứng khoán: PCH (Niêm yết/HNX)
Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, sản xuất sản phẩm từ plastics, thương mại nguyên liệu bột nhựa PVC và các phụ gia hóa chất ngành nhựa.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Không có

5. Tổng số nhân viên đến 30/06/2025: 20 nhân viên (31/12/2024: 24 nhân viên)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Thôn Cầu Liêu, Xã Tây Phương, TP Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất kinh doanh ván nhựa, tấm nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.	95,00%	95,00%	95,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

6.2. Danh sách các công ty liên kết

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết (*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Thôn Cầu Liêu, Xã Tây Phương, TP Hà Nội, Việt Nam	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	28,27%	28,27%	37,78%

(*) Tổng tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty liên kết là 37,78%, trong đó quyền biểu quyết trực tiếp là 28,27% và quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty con là 9,51%.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng kế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền theo tháng.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (tiếp theo)**Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10- 30 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 8 năm
Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	8 - 10 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

Tiền thuê mặt bằng trả trước: Tiền thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền của Công ty trả trước cho phần diện tích đã thuê để sử dụng làm văn phòng, tiền thuê mặt bằng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả người lao động, chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động. Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán; chi phí phải trả về tiền lương nghỉ phép... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thanh dư vốn cổ phiếu của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

17. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

18. Công cụ tài chính**Chi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền	2.483.122.857	15.540.246.243
Tiền mặt	888.803.479	426.607.961
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.594.319.378	15.113.638.282
Các khoản tương đương tiền	7.900.957.933	-
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (*)	7.900.957.933	-
Cộng	10.384.080.790	15.540.246.243

(*) Tại ngày 30/6/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất từ 3,1% đến 3,4%/năm tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính
a) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	3.838.248.746	3.802.500.000	(35.748.746)	-	-	-
Công ty CP Công nghiệp Cao su Miền Nam	3.293.660.846	3.278.600.000	(15.060.846)	775.801.958	927.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	2.739.557.054	3.426.240.000	-	4.427.705.380	5.020.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	1.798.736.239	2.777.600.000	-	-	-	-
Các khoản chứng khoán kinh doanh khác	2.886.355.813	2.818.540.000	(79.977.563)	1.771.181.195	1.760.120.000	(11.061.195)
Cộng	14.556.558.698	16.103.480.000	(130.787.155)	6.974.688.533	7.707.120.000	(11.061.195)

Thông tin chi tiết về khoản chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	30/06/2025			01/01/2025		
	Số lượng	Giá xác định giá trị hợp lý (*)	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá xác định giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	150.000	25.350	3.802.500.000	-	-	-
Công ty CP Công nghiệp Cao su Miền Nam	252.200	13.000	3.278.600.000	60.000	15.450	927.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	132.800	25.800	3.426.240.000	200.000	25.100	5.020.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	64.000	43.400	2.777.600.000	-	-	-
Các khoản chứng khoán kinh doanh khác	270.000		2.818.540.000	111.400		1.760.120.000
Cộng	869.000		16.103.480.000	371.400		7.707.120.000

(*) Là giá đóng cửa tại ngày 30/6/2025 của các mã chứng khoán mà Công ty sở hữu trên các sàn HOSE, HNX.

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

30/06/2025		01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư vào Công ty con	98.800.000.000		-	98.800.000.000
	- Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	98.800.000.000	-	98.800.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết	73.000.000.000		-	73.000.000.000
	- Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý tài sản PCLand	73.000.000.000	-	73.000.000.000
Cộng	171.800.000.000		-	171.800.000.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con, liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Hà Nội	95,00%	95,00%	Sản xuất và kinh doanh ván nhựa, tấm nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.
Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Hà Nội	28,27%	37,78%	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Hòa Hải	693.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ván gỗ công nghiệp Thuận Phát	682.154.503	-	162.147.340	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xuất nhập khẩu Thành Mịch	420.326.342	-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Hoàng Tiến	312.705.472	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	467.073.405	-	6 247 070	-
Cộng	2.575.259.722	-	168.394.410	-

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Du lịch và Sự kiện BESTVIET	56.062.800	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	70.045.613	-	73.678.916	-
Cộng	126.108.413	-	73.678.916	-

5. Phải thu về cho vay

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand (i)	12.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Cộng	12.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Trong đó phải thu về cho vay các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLand	12.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Cộng	12.000.000.000	-	14.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu về cho vay (tiếp theo)**Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:**

(i): Căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 11/2024/BB-HĐQT và Quyết định số: 11-1/2024/QĐ-HĐQT ngày 16/09/2024 thông qua việc giao dịch tổ chức có liên quan. Công ty đã cho bên liên quan vay vốn theo Hợp đồng cho vay số: 01/2024/HĐCV/PCM-PCLAND ngày 24/09/2024.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Hạn mức: Số tiền không vượt quá 25 tỷ;
- Thời hạn vay: Tối đa là 05 (năm) năm kể từ ngày 16/09/2024;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định trong 12 tháng đầu tiên là 6,5%/năm, từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất mà bên cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng (+) 1%/năm;
- Phương thức bảo đảm: Cho vay tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2025 là 12.000.000.000 đồng.

6. Phải thu khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Lãi dự thu tiền gửi, tiền cho vay	26.209.479	-	20.835.616	-
Tạm ứng	1.000.000	-	130.000	-
- Phải thu khác	41.328.755	-	-	-
Cộng	71.538.234	-	20.965.616	-

Trong đó phải thu khác là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	14.958.904	-	20.835.616	-
Cộng	14.958.904	-	20.835.616	-

b) Dài hạn

- Ký cược, ký quỹ	80.700.000	-	80.700.000	-
Cộng	80.700.000	-	80.700.000	-

7. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	1.224.023.544	-	491.938.043	-
- Hàng hóa	2.897.077.585	-	1.819.082.295	-
Cộng	4.121.101.129	-	2.311.020.338	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	5.660.225.077	2.150.620.000	852.316.744	1.898.816.018	10.561.977.839
Số dư cuối kỳ	5.660.225.077	2.150.620.000	852.316.744	1.898.816.018	10.561.977.839
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	789.692.670	1.349.001.381	479.366.866	930.064.065	3.548.124.982
- Khấu hao trong kỳ	94.337.082	94.520.910	54.367.284	122.396.208	365.621.484
Số dư cuối kỳ	884.029.752	1.443.522.291	533.734.150	1.052.460.273	3.913.746.466
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	4.870.532.407	801.618.619	372.949.878	968.751.953	7.013.852.857
Tại ngày cuối kỳ	4.776.195.325	707.097.709	318.582.594	846.355.745	6.648.231.373

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.776.195.325 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 638.285.455 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	49.724.804.626	49.724.804.626
Số dư cuối kỳ	<u>49.724.804.626</u>	<u>49.724.804.626</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	49.724.804.626	49.724.804.626
Tại ngày cuối kỳ	<u>49.724.804.626</u>	<u>49.724.804.626</u>

- Quyền sử dụng đất tại 30/6/2025 gồm:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: thửa 8A + 8B, lô G5 thuộc khu A, khu nhà ở Anh Dũng IV, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; thời gian sử dụng đất: lâu dài.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 1, lô 8A Khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; thời gian sử dụng đất: lâu dài.

- Toàn bộ quyền sử dụng đất đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo oáo khoản vay.

10. Chi phí trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	33.874.551	76.170.789
Cộng	<u>33.874.551</u>	<u>76.170.789</u>
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	43.799.023	73.223.356
- Quyền sử dụng mặt bằng (i)	7.647.594.198	7.763.174.970
- Các khoản khác	138.735.473	175.151.854
Cộng	<u>7.830.128.694</u>	<u>8.011.550.180</u>

(i) Quyền sử dụng mặt bằng là quyền sử dụng diện tích sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, Khu đô thị Mỹ Trì Thượng, Phường Từ Liêm, Hà Nội (Thời hạn sử dụng đến 01/04/2059).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Vay và nợ thuê tài chính

Vay ngắn hạn	30/06/2025		Trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (1)	804.433.760	804.433.760	1.804.433.760	1.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (2)	1.062.905.894	1.062.905.894	6.309.595.327	5.246.689.433	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (3)	-	-	15.113.100.995	15.113.100.995	-	-
Cộng	1.867.339.654	1.867.339.654	23.227.130.082	21.359.790.428	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng/Số tài khoản	Kỳ hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại ngày 30/06/2025	Mục đích vay vốn	Tài sản đảm bảo
(1) HĐTD số 01/2025/HĐNT/NTQN-PICOMAT ngày 18/3/2025	12 tháng	Lãi suất thả nổi, có điều chỉnh	30.000.000.000	804.433.760	Phục vụ sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động	Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 420395 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/1/2020
(2) Khoản giao dịch ký quỹ tại Công ty CP Chứng khoán VPS				1.062.905.894	Kinh doanh chứng khoán	Tài sản hình thành từ vốn vay
(3) HĐTD số TLG20241766952/HĐTD ngày 22/4/2024 và Phụ lục số TLG20241766952/HĐTD/PLHM-2987301 ngày 25/4/2025	12 tháng	Lãi suất thả nổi, có điều chỉnh	55.000.000.000		Phục vụ sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động	+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 738754, số và sổ cấp GCN CH 21709 do UBND TP.Hà Long tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 9/5/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả người bán

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	5.608.705.417	5.608.705.417	12.967.175.441	12.967.175.441
- Phải trả các đối tượng khác	40.443.550	40.443.550	15.973.710	15.973.710
Cộng	5.649.148.967	5.649.148.967	12.983.149.151	12.983.149.151

Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	5.608.705.417	5.608.705.417	12.967.175.441	12.967.175.441
Cộng	5.608.705.417	5.608.705.417	12.967.175.441	12.967.175.441

13. Người mua trả tiền trước

	30/06/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Hoàng Hưng Pro	105.654.298	432.050.319
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Linh Mơ	5.600.001	756.724.899
- Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Hoàng Tiến	-	1.690.521.707
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	35.368.856	324.419.348
Cộng	146.623.155	3.203.716.273

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2025
a. Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.922.482	327.258.428	63.887.054	266.293.856
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.328.940.200	1.328.940.200	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.176.128.650	737.978.775	2.226.128.650	687.978.775
- Thuế thu nhập cá nhân	-	31.682.509	30.788.683	893.826
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	2.179.051.132	2.432.859.912	3.656.744.587	955.166.457
b. Phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	8.596	8.596	-	-
Cộng	8.596	8.596	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Mức thuế suất
8% và 10%

Trong kỳ Công ty được giảm thuế GTGT theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả**Chi phí phải trả ngắn hạn**

- Trích trước chi phí lãi vay
- Chi phí phải trả khác

Cộng

	30/06/2025	01/01/2025
Trích trước chi phí lãi vay	2.852.286	7.529.377
Chi phí phải trả khác	2.793.090	19.800
Cộng	5.645.376	7.549.177

16. Phải trả khác**a) Ngắn hạn**

- Kinh phí công đoàn
- Thù lao HĐQT, thù lao Ban kiểm soát

Cộng

	30/06/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	148.800	-
Thù lao HĐQT, thù lao Ban kiểm soát	-	204.000.000
Cộng	148.800	204.000.000

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Cộng

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000

Trong đó phải trả khác là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand

Cộng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	219.999.900.000	2.207.827.061	17.338.802.247	239.546.529.308
Lãi trong kỳ trước	-	-	12.275.235.524	12.275.235.524
Số dư cuối kỳ trước	219.999.900.000	2.207.827.061	29.614.037.771	251.821.764.832
Số dư đầu kỳ này	241.999.640.000	2.204.327.061	12.349.497.295	256.553.464.356
Lãi trong kỳ này	-	-	14.345.031.099	14.345.031.099
Số dư cuối kỳ này	241.999.640.000	2.204.327.061	26.694.528.394	270.898.495.455

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Đỗ Thanh Hải	52.030.000.000	21,50%	52.030.000.000	21,50%
Cổ đông khác	189.969.640.000	78,50%	189.969.640.000	78,50%
Cộng	241.999.640.000	100,00%	241.999.640.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	241.999.640.000	219.999.900.000
- Vốn góp cuối kỳ	241.999.640.000	219.999.900.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.199.964	24.199.964
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	24.199.964	24.199.964
- Cổ phiếu phổ thông	24.199.964	24.199.964
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.199.964	24.199.964
- Cổ phiếu phổ thông	24.199.964	24.199.964
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Doanh thu bán hàng	55.418.323.477	80.337.474.998
Doanh thu cung cấp dịch vụ	445.485.180	426.814.793
Cộng	55.863.808.657	80.764.289.791

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Hàng bán bị trả lại	241.441.925	94.615.396
Cộng	241.441.925	94.615.396

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Doanh thu thuần bán hàng hóa	55.176.881.552	80.242.859.602
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	445.485.180	426.814.793
Cộng	55.622.366.732	80.669.674.395

4. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Giá vốn của hàng hóa đã bán	49.743.201.924	71.358.088.076
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	62.262.474	62.262.474
Cộng	49.805.464.398	71.420.350.550

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	447.610.396	79.806.224
Lãi đầu tư chứng khoán	1.591.754.199	243.799.208
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.400.000.000	8.360.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	41.412.699	-
Cộng	13.480.777.294	8.683.605.432

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền vay	110.106.043	222.729.361
Lỗ từ bán chứng khoán kinh doanh	772.255.084	223.348.481
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	131.457.780
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	119.725.960	103.407.850
Cộng	1.002.087.087	680.943.472

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Chi phí bán hàng**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân viên	765.936.119	1.136.734.951
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	43.535.693	839.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.431.864	148.629.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.024.317.998	932.787.337
Chi phí khác bằng tiền	2.955.000	9.938.000
Cộng	2.006.176.674	2.228.929.389

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	518.526.985	758.091.737
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.430.079	129.764.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.927.146	133.094.030
Thuế, phí, và lệ phí	70.112.154	190.785.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.486.590	530.997.571
Chi phí khác bằng tiền	3.929.000	15.534.000
Cộng	1.209.411.954	1.758.267.456

8. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Thu nhập khác	3.052.901	30.054
Cộng	3.052.901	30.054

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí khác	46.940	3.540.412
Cộng	46.940	3.540.412

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	15.083.009.874	13.261.278.602
Các khoản điều chỉnh tăng	6.884.000	28.936.781
- Chi phí không hợp lệ	6.884.000	28.936.781
Các khoản điều chỉnh giảm	11.400.000.000	8.360.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.400.000.000	8.360.000.000
- Các khoản khác	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.689.893.874	4.930.215.383
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	737.978.775	986.043.078

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân viên	1.284.463.104	1.894.826.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	365.621.484	343.986.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.437.804.588	1.463.784.908
Chi phí khác bằng tiền	189.961.926	346.861.718
Cộng	3.277.851.102	4.049.459.319

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)**Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cuối kỳ		
VND	+100	85.167.411
VND	-100	(85.167.411)
Đầu kỳ		
VND	+100	225.038.736
VND	-100	(225.038.736)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	1.867.339.654	-	-	1.867.339.654
Phải trả người bán	5.649.148.967	-	-	5.649.148.967
Phải trả khác	-	200.000.000	-	200.000.000
Chi phí phải trả	5.645.376	-	-	5.645.376
Cộng	7.522.133.997	200.000.000	-	7.722.133.997
Tại ngày 31/12/2024				
Phải trả người bán	12.983.149.151	-	-	12.983.149.151
Phải trả khác	-	200.000.000	-	200.000.000
Chi phí phải trả	7.549.177	-	-	7.549.177
Cộng	12.990.698.328	200.000.000	-	13.190.698.328

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.11- Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2025 và 31/12/2024. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý	
	30/06/2025		31/12/2024	30/06/2025	31/12/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	10.384.080.790	-	15.540.246.243	-	15.540.246.243
- Chứng khoán kinh doanh	14.556.558.698	(130.787.155)	6.974.688.533	(11.061.195)	6.963.627.338
- Phải thu khách hàng	2.575.259.722	-	168.394.410	-	168.394.410
- Phải thu về cho vay	12.000.000.000	-	14.000.000.000	-	14.000.000.000
- Phải thu khác	148.238.234	-	101.535.616	-	101.535.616
Cộng	39.664.137.444	(130.787.155)	36.784.864.802	(11.061.195)	36.773.803.607
Nợ phải trả tài chính					
- Vay và nợ	1.867.339.654	-	-	1.867.339.654	-
- Phải trả người bán	5.649.148.967	-	12.983.149.151	5.649.148.967	12.983.149.151
- Chi phí phải trả	5.645.376	-	7.549.177	5.645.376	7.549.177
- Phải trả khác	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Cộng	7.722.133.997	-	13.190.698.328	7.722.133.997	13.190.698.328

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ và mối quan hệ với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần vật liệu Hải Đăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Công ty liên kết
Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hương	Trưởng BKS (bổ nhiệm từ ngày 15/4/2025)
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên BKS (miễn nhiệm từ ngày 15/4/2025)
Bà Đàm Ngọc Ánh	Thành viên BKS (bổ nhiệm từ ngày 15/4/2025)
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS (bổ nhiệm từ ngày 15/4/2025)
Bà Đỗ Thị Thùy Linh	Trưởng BKS (miễn nhiệm từ ngày 15/4/2025)
Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh	Thành viên BKS (miễn nhiệm từ ngày 15/4/2025)
Bà Nguyễn Thị Bảo Yến	Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên tổ Kiểm toán nội bộ (bổ nhiệm từ ngày 1/10/2024)
Ông Đỗ Mạnh Tú	Thành viên tổ Kiểm toán nội bộ (miễn nhiệm từ ngày 1/10/2024)
	Cố đồng công ty, người có liên quan của người nội bộ (ông Đỗ Thanh Hải và ông Đỗ Hải Đăng)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.200.000	409.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	409.200.000	409.200.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.200.000	409.200.000
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	409.200.000	409.200.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	41.197.102.456	37.188.728.569
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	41.158.494.456	37.031.376.569
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	38.608.000	145.352.000
Ông Đỗ Mạnh Tú	-	12.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	48.351.608.000	40.272.352.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	48.313.000.000	40.115.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	38.608.000	145.352.000
Ông Đỗ Mạnh Tú	-	12.000.000
Lãi cho vay	405.671.233	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	405.671.233	-
Lãi cho vay đã thu	411.547.945	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	411.547.945	-
Hàng trả lại	203.964.480	84.227.040
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	203.964.480	84.227.040
Nhận chia cổ tức	11.400.000.000	8.360.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	11.400.000.000	8.360.000.000
Thu nợ gốc vay	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	2.000.000.000	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
	30/06/2025	01/01/2025
Phải trả người bán	5.608.705.417	12.967.175.441
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	5.608.705.417	12.967.175.441
Lãi dự thu từ cho vay	14.958.904	20.835.616
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	14.958.904	20.835.616
Phải trả khác	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	200.000.000	200.000.000
Phải thu về cho vay	12.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	12.000.000.000	14.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	98.800.000.000	98.800.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	98.800.000.000	98.800.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	73.000.000.000	73.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	73.000.000.000	73.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Lương và thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
- Bà Đào Thị Kim Oanh	161.247.889	150.489.000
- Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh	142.163.538	132.348.160
- Bà Đỗ Thị Hường	-	38.289.050
- Bà Nguyễn Thị Thủy	-	34.425.181
- Bà Đỗ Thị Thùy Linh	-	57.912.519
- Bà Nguyễn Thị Thảo	27.138.916	-
- Bà Đàm Ngọc Ánh	4.894.164	-
- Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	33.155.344
- Bà Nguyễn Thị Bảo Yến	86.078.493	-
Cộng	421.523.000	446.619.254

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.


Nguyễn Thị Như Quỳnh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc